



RED RIVER BASIN ORGANIZATION

RRBO

BẢN TIN
NEWSLETTER
SỐ 4 THÁNG 12/2004

BAN QUẢN LÝ QUY HOẠCH LƯU VỰC SÔNG HỒNG-THÁI BÌNH

Hoạt động của văn phòng ban với hai tiểu lưu vực sông Cầu và sông Đáy



(Văn phòng Ban QLQLHV sông Hồng - Thái Bình)

Phúc), hồ Cẩm Sơn (Bắc Giang), vùng phân châu lũ Chương Mỹ, đập Thác Hoàng và tuyến công trình dự kiến Nậm Cát...

- Nhìn chung việc chuyển dịch cơ cấu cây trồng vật nuôi đã đạt được những kết quả đáng kể. Phong trào chuyển dịch ruộng trũng sang chăn nuôi trồng thủy sản được mở rộng, chuyển diện tích cây lúa một vụ bắp bênh năng suất thấp sang trồng cây ăn quả, trồng cỏ phục vụ chăn nuôi hoặc nuôi trồng thủy sản theo phương thức lúa - cà, vùng ven biển chuyển lúa, muối sang nuôi tôm. Các tỉnh cũng quan tâm đến chuyển đổi cơ cấu vật nuôi, tăng bò lai sin, tăng đàn lợn hướng nạc, phát triển chăn nuôi theo mô hình trang trại, khôi phục gia cầm theo hướng tăng chất lượng. Công tác thủy lợi nhìn chung đã phục vụ tốt các yêu cầu của sản xuất Nông nghiệp, đáp ứng được chủ trương chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi.

- Đánh giá về hiện trạng các công trình thủy lợi, hầu hết cho rằng các công trình đầu tư chưa đồng bộ giữa đầu mối và hệ thống kênh mương, việc đầu tư còn gián trải thiếu tập trung

Từ ngày 18/10 đến ngày 3/11/2004 Văn phòng Ban QLQLHV sông Hồng - Thái Bình đã tổ chức chuyến công tác thực địa bao gồm 10 tỉnh: Vĩnh Phúc, Thái Nguyên, Bắc Cạn, Bắc Giang, Bắc Ninh (tiểu lưu vực sông Cầu) và Nam Định, Ninh Bình, Hà Nam, Hà Tây, Hoà Bình (tiểu lưu vực sông Đáy) để nắm bắt thực trạng khai thác và quản lý nguồn nước các tỉnh trong lưu vực sông Cầu, sông Đáy và thu thập các ý kiến về việc thành lập hai tiểu lưu vực sông Cầu và sông Đáy

Trong thời gian làm việc với các tỉnh, đoàn đã nghe các đồng chí lãnh đạo của các Sở Nông nghiệp và PTNT báo cáo về tình hình:

Công tác thủy lợi phục vụ chuyển đổi cơ cấu sản xuất cây trồng vật nuôi, những kết quả đạt được, những khó khăn tồn tại, các kiến nghị và hướng giải quyết. Hiện trạng quản lý khai thác CTTL, phục vụ cấp nước, tiêu nước, chống lũ.

Tình hình thiên tai (hạn, úng, lũ lụt,...) trong năm 2004 và các năm trước đây. Các biện pháp khắc phục thiên tai của địa phương.

Kế hoạch đầu tư, nâng cấp sửa chữa các hệ thống công trình thủy lợi các tỉnh trong lưu vực.

Các vấn đề phát sinh trong lưu vực, khó khăn, tồn tại và các kiến nghị của các địa phương thuộc lưu vực với Ban QLQH lưu vực sông Hồng - Thái Bình.

Tình hình ô nhiễm chất lượng nước, nguyên nhân, ảnh hưởng.

Sản xuất nông nghiệp và thực tế công tác chuyển đổi cơ cấu sản xuất cây trồng vật nuôi của tỉnh, hướng phát triển trong các năm tới.

Tình hình phát triển đô thị và công nghiệp.

Ý kiến về việc thành lập hai Tiểu Ban QLQH lưu vực sông Cầu và sông Đáy.

Đoàn đã cùng các đồng chí lãnh đạo Sở đi thực địa kiểm tra một số các công trình trọng điểm trạm bơm, đập, hồ chứa trong lưu vực như: các trạm bơm Bạch Hạc, Đại Định, Đặng Xá, Tân Chi, Hữu Bị, khu công nghiệp ven đường 10 (Nam Định), khu CN Gia Trấn (Ninh Bình), hồ Đầu Bài (Hoà Bình), hồ Đại Lải (Vĩnh

TRONG SỐ NÀY

- *Hoạt động của Dự án Thủy lợi lưu vực sông Hồng giai đoạn 2 - Phần A.*
- *Danh mục dự kiến các công trình tái thiết chính phủ lưu vực sông Hồng- Thái Bình năm 2005.*
- *Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về Quy hoạch tổng thể di dân, tái định cư dự án thủy điện Sơn La.*
- *Sông Hồng và những vấn đề về nước trong Quy hoạch xây dựng vùng thủ đô Hà Nội.*
- *Khái niệm về quản lý tổng hợp Lưu vực sông.*
- *Các thông tin về hoạt động của mạng lưới các tổ chức lưu vực sông Châu Á.*

vì vậy thời gian đầu tư kéo dài hiệu quả thấp công trình nhanh xuống cấp. Chưa có cơ chế đầu tư duy tu bảo dưỡng thường xuyên đối với hệ thống các công trình thủy lợi, vì vậy hệ thống công trình thủy lợi thường sau khi được xây dựng xong nhanh xuống cấp, hiệu quả công trình thấp. Một khó khăn tồn tại chính là hầu hết các công trình thủy lợi quan trọng được xây dựng từ lâu, đến nay đã bị hư hỏng và xuống cấp nghiêm trọng. Bên cạnh đó việc đô thị hoá, đường giao thông, phát triển các khu công nghiệp, làng nghề gia tăng đã gây xáo trộn quy hoạch thủy lợi và gây giảm thiểu khả năng và năng lực tưới tiêu của hệ thống thủy nông cũng như gây khó khăn cho công tác quản lý khai thác và bảo vệ công trình.

- Về tình hình thiên tai (hạn, úng, lũ lụt...) năm 2004, do ảnh hưởng của rãnh áp thấp trên cao, từ ngày 20/7 đến 24/7/2004 các tỉnh thuộc đồng bằng Bắc Bộ có một đợt mưa to đến rất to trên diện rộng gây thiệt hại lớn cho nông nghiệp. Năm 2004 cũng là năm thời tiết nắng nóng hanh khô kéo dài đã gây ra tình trạng hạn căng thẳng cả vụ chiêm xuân và vụ mùa.

- Để khắc phục tình hình thiên tai hạn hán, lũ lụt trong thời gian qua, các tỉnh đã thực hiện biện pháp cơ bản là: kiểm tra và soát cụ thể nguồn nước, theo dõi diễn biến của khí tượng thủy văn để điều hành tưới cho phù hợp tình hình; tăng cường nạo vét kênh mương, sửa chữa bảo dưỡng máy móc thiết bị; gia cố bờ kênh bị sạt trượt và tràn; tổ chức các lực lượng phá dỡ các chướng ngại vật, khơi thông dòng

chảy các trục tiêu của các hệ thống; theo dõi sát diễn biến thời tiết, chủ động vận hành các hệ thống thủy lợi để gan tháo, tiêu đệm triệt để...

- Vấn đề ô nhiễm môi trường và nguồn nước, nhất là nguồn nước sông Cầu, sông Đáy đang được các nhà lãnh đạo quan tâm chú trọng đến. Nguồn nước mặt và nước ngầm hiện đang có nguy cơ ô nhiễm cao do các nhà máy công nghiệp, hoá chất, chế biến nông sản, các trung tâm giặt mổ, các trang trại chăn nuôi gia súc gia cầm, hệ thống bệnh viện, các chất thải con người, gia súc gia cầm đều thải trực tiếp ra sông và hệ thống tiêu thoát nước. Việc giải quyết tốt tình trạng ô nhiễm nguồn nước là một bài toán khó phức tạp và là vấn đề hết sức bức xúc gay gắt hiện nay mà hầu hết các tỉnh chưa kiểm soát được, nó ảnh hưởng trực tiếp đến môi trường và sức khỏe của người dân và phát triển nền kinh tế nước nhà.

- Tình hình phát triển đô thị và công nghiệp tại các tỉnh vùng đồng bằng và trung du đang phát triển tương đối mạnh. Với chủ trương mở rộng kêu gọi đầu tư, ưu đãi các nhà đầu tư... và càng đầu tư nhiều tốc độ đô thị hoá càng gia tăng. Cơ cấu kinh tế đã chuyển dịch theo hướng tích cực, với cơ cấu Công nghiệp - Du lịch - Nông nghiệp. Đi đôi với sự phát triển đô thị và công nghiệp này là việc phá vỡ sự liên hoàn của các hệ thống thủy lợi, ví dụ như các khu công nghiệp ở Nam Định, Ninh Bình, Hà Tây, Vĩnh Phúc... và gây ô nhiễm môi trường, ô nhiễm nguồn nước, việc khai thác nguồn nước

để phục vụ sinh hoạt, sản xuất... cũng đòi hỏi ngày một gia tăng, đã gây sức ép đối với ngành Thủy lợi phải có chiến lược đầu tư và chuyển biến kịp thời để phục vụ tốt cho nhu cầu phát triển.

- Các địa phương tùy theo tình hình cụ thể đã đưa ra một số kiến nghị đối với Ban QLQLHV sông Hồng - Thái Bình về các vấn đề quy hoạch lưu vực sông; vấn đề đầu tư nâng cấp kiên cố hoá các công trình thủy lợi; vấn đề đầu tư công trình phòng chống lũ cho sông Cầu, sông Đáy; vấn đề phòng chống lũ quét cho các huyện miền núi; vấn đề tổ chức và cán bộ ngành thủy lợi...

- Ý kiến về việc thành lập tiểu lưu vực sông Cầu, sông Đáy, lãnh đạo các Sở đều cho rằng đây là vấn đề cấp thiết, cần thành lập nhanh Ban Quản lý lưu vực sông Cầu, sông Đáy nhằm giải quyết các vấn đề:

Thống nhất quản lý khai thác và bảo vệ nguồn nước trong lưu vực.

Khai thác, sử dụng bền vững nguồn nước, ngăn ngừa cạn kiệt TNN.

Phải có quy hoạch tổng hợp lưu vực sông Thống nhất kế hoạch đầu tư xây dựng công trình thủy lợi để mang lại lợi ích chung cho toàn lưu vực.

- Trụ sở của Tiểu ban QLQH lưu vực sông Cầu được đề nghị đặt ở thành phố Thái Nguyên, lưu vực sông Đáy được đề nghị đặt tại Hà Nam. ■

Hoạt động của Dự án Thủy lợi lưu vực sông Hồng giai đoạn 2 - Phần A

(Theo báo cáo tiến độ tháng 11 năm 2004 của ADB)

Đến cuối tháng 11 năm 2004, Dự án Thủy lợi lưu vực sông Hồng giai đoạn 2 - phần A đã hoàn tất các công tác chuẩn bị và sắp xếp văn phòng dự án. Nhiều cuộc họp và thảo luận đã được tổ chức, đặc biệt có hai buổi họp tháng với sự tham gia của đại diện EA, ICD, các tổ chức liên quan, Bộ Tài nguyên Môi trường, các cơ quan quản lý tài chính và đội chủ chốt để đưa ra tiến độ cũng như chương trình hoạt động. Buổi họp đầu tiên diễn ra vào ngày 2/11/2004 và lần thứ hai vào ngày 30/11/2004.

Việc bố trí phòng làm việc cho văn phòng Dự án đã được hoàn tất. Trang thiết bị văn phòng, máy tính, máy in, máy photocopy... và việc kết nối mạng internet đã được lắp đặt hoàn chỉnh. Văn phòng dự án được đặt ở 5 nơi tại Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Số 2 Ngọc Hà) và cả 5 văn phòng đã đi vào hoạt động. Nhìn chung chất lượng và số lượng văn phòng có thể xem như là đủ, tuy nhiên việc phân chia đội dự án ra 5 chỗ khác nhau cũng gây ra bất lợi trong việc liên lạc trao đổi thông tin giữa các thành viên trong nhóm Dự án.

Trong báo cáo tiến độ đã nêu kết quả thực hiện bước đầu của 4 hợp phần:

- (1). Quản lý tổng hợp tài nguyên nước trên tiểu lưu vực sông Cầu;
- (2). Quản lý lũ một cách chiến lược ở đồng bằng sông Hồng;
- (3). Quản lý tổng hợp tài nguyên nước ở

các tiểu lưu vực miền núi;

(4). Chất lượng nước trên các tiểu lưu vực sông Đáy, sông Nhuệ.

Trong giai đoạn đầu, nhóm Cộng đồng đã gặp gỡ và hợp tác tích cực với các hợp phần của dự án để hỗ trợ trong việc phân tích các bên liên quan và chuẩn bị cho Hội thảo khởi đầu. Dự kiến hoạt động của bốn hợp phần đã được lập và đưa vào kế hoạch làm việc. Các chuyên gia, tư vấn cùng với nhóm Cộng đồng

đã làm việc trực tiếp với đại diện một số tỉnh trong lưu vực sông Hồng - Thái Bình và thực hiện các khảo sát thực địa thu thập số liệu có trọng điểm đối với từng hợp phần. Nhìn chung trong giai đoạn này các hợp phần đang tập trung vào xác định nguồn thông tin, số liệu và gặp gỡ với các tổ chức, cá nhân liên quan đối với từng hợp phần. ■

(Văn phòng Ban QLQLHV sông Hồng - Thái Bình)



Danh mục dự kiến các công trình trái phiếu chính phủ lưu vực sông Hồng - Thái Bình năm 2005

(Nguồn: Viện Quy hoạch Thủy lợi)

STT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	TG KC HT	Tổng mức đầu tư	Vốn trái phiếu Chính phủ	Kế hoạch năm 2005
1	Hồ Trọng	Hoà Bình	05 - 09	55.786	55.786	10.000
2	DATL chống lũ thị xã Bắc Kạn	Bắc Kạn	05 - 09	310.000	310.000	10.000
3	Hồ Nậm Ngam - Pù Nhi	Điện Biên	05 - 09	123.290	123.290	3.290
4	HTCT Sông Sỏi	Bắc Giang	05 - 09	197.000	197.000	7.000
5	CTTL nuôi trồng thủy sản Kiến Thụy	Hải Phòng	05 - 09	95.519	97.719	5.519
6	DATL nuôi tôm Thái Thụy	Thái Bình	02 - 05	56.534	41.072	41.072
7	CT chống lũ sông Cầu Hội	Ninh Bình	04 - 06	82.000	82.000	4.000
8	CTTL nuôi trồng Thủy sản Kim Sơn	Ninh Bình	03 - 06	155.650	44.402	20.000

Đơn vị: triệu đồng

III Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về Quy hoạch tổng thể di dân, tái định cư dự án thủy điện Sơn La

(Trích Công báo số 7 ngày 7/12/2004)

Ngày 29/11/2004 Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Quyết định số 196/2004/QĐ-TTg về Quy hoạch tổng thể di dân, tái định cư Dự án thủy điện Sơn La.

Mục tiêu đưa ra là: Di dân, tái định cư Dự án thủy điện Sơn La phải tạo được các điều kiện để đồng bào tái định cư sớm ổn định chỗ ở và đời sống, trên cơ sở khai thác tiềm năng về tài nguyên và sức lao động, từng bước thay đổi cơ cấu kinh tế, phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập, cuộc sống vật chất, tinh thần ngày càng tốt hơn ở cũ, góp phần phát

triển kinh tế - xã hội vùng Tây Bắc theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp nông thôn, giữ vững ổn định chính trị - xã hội, quốc phòng, an ninh và bảo vệ môi trường sinh thái.

Nhiệm vụ từ nay đến năm 2010 tổ chức thực hiện bồi thường, di chuyển và tái định cư cho các hộ gia đình và cá nhân thuộc đối tượng di dân tái định cư như trong phương án quy hoạch di dân, tái định cư được phê duyệt. Bồi thường di chuyển và xây dựng lại kết cấu hạ tầng và công trình kiến trúc - văn hoá xã hội

của các tổ chức, đơn vị trong mặt bằng thi công và vùng ngập của hồ chứa Dự án thủy điện Sơn La.

Yêu cầu công tác di dân, tái định cư phải được các cấp, các ngành, các đoàn thể quần chúng phối hợp chặt chẽ để tổ chức và thực hiện theo phương châm: Trung ương quy định và hướng dẫn cơ chế, chính sách chung, các tỉnh cụ thể hoá và tổ chức triển khai thực hiện.

Tiến độ di dân, tái định cư phải đáp ứng tiến độ dâng nước hồ chứa; dự kiến tiến độ các năm như sau:

STT	Hạng mục	Năm 2004	Dự báo 2010	Dự báo số hộ di chuyển qua các năm					
				2005	2006	2007	2008	2009	2010
	Tổng số	14.993	18.897	3.025	3.287	7.015	3.570	1.552	449
1	Tỉnh Sơn La	9.650	12.479	2.846	2.384	5.318	1.824	108	0
2	Tỉnh Điện Biên	3.219	3.840	0	185	1.181	1.135	919	420
3	Tỉnh Lai Châu	2.124	2.578	179	718	516	611	525	29

Tổng mức vốn đầu tư là 10.294.915 triệu đồng, trong đó:

- Tái định cư khu vực nông thôn: 7.092.873 triệu đồng
- Tái định cư khu vực đô thị: 1.650.000 triệu đồng

- Chi phí khác (khảo sát thiết kế, quản lý, dự phòng): 1.552.042 triệu đồng
- Nguồn vốn đầu tư:
 - Nguồn vốn Tổng công ty điện lực Việt Nam: 4.633.031 triệu đồng.
 - Nguồn vốn ngân sách nhà nước: 5.000.000

- triệu đồng
- Nguồn vốn vay ưu đãi và huy động từ các hộ dân, các doanh nghiệp để phát triển sản xuất, dự kiến là 661.884 triệu đồng
- Dự kiến phân kỳ vốn đầu tư hàng năm như bảng sau:

Đơn vị tính: triệu đồng

Hạng mục	Tổng số	Phân theo năm					
		Năm 2005	Năm 2006	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010
Tổng số	10.294.915	3.009.232	2.525.895	2.887.497	1.317.205	477.167	77.919
I. TĐC khu vực nông thôn	7.092.873	1.869.030	1.558.573	2.178.961	1.035.019	387.941	63.349
1. Chi phí bồi thường	1.429.329	326.397	272.757	594.048	204.947	21.811	9.369
2. Đầu tư xây dựng khu TĐC	3.463.768	1.003.366	838.582	847.569	508.709	265.542	0
3. Đầu tư sản xuất và hỗ trợ TĐC	2.199.776	539.267	447.234	737.344	321.363	100.588	53.980
II. TĐC khu vực đô thị	1.650.000	577.500	495.000	412.500	165.000	0	0
III. Chi phí khác	1.552.042	562.702	472.322	296.036	117.186	89.226	14.570

Trách nhiệm của các Bộ, ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công nghiệp, Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giao thông vận tải; Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; các Bộ, ngành có liên quan và Tổng công ty Điện lực Việt Nam và Ủy ban nhân dân các tỉnh

Sơn La, Điện Biên, Lai Châu tổ chức thực hiện các nhiệm vụ về công tác di dân, tái định cư Dự án thủy điện Sơn La đã được Thủ tướng Chính phủ giao tại Quyết định số 92/QĐ-TTg ngày 15 tháng 1 năm 2004 về phê duyệt đầu tư Dự án thủy điện Sơn La; Quyết định số

677/QĐ-TTg ngày 18 tháng 6 năm 2004 về việc ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo Nhà nước Dự án thủy điện Sơn La; Quyết định số 459/QĐ-TTg ngày 12 tháng 5 năm 2004 về việc ban hành quy định về bồi thường, di dân, tái định cư Dự án thủy điện Sơn La. ■

III Sông Hồng và những vấn đề về Nước trong Quy hoạch Xây dựng vùng thủ đô Hà Nội

Viện Quy hoạch Thủy lợi

Vùng Thủ đô Hà Nội bao gồm Thành phố Hà Nội và 7 tỉnh xung quanh: Hà Tây, Hoà Bình, Vĩnh Phúc, Bắc Ninh, Hưng Yên, Hải Dương và Hà Nam. Tổng diện tích của vùng thủ đô khoảng 13.370 km² với dân số khoảng 11.800.000 người.

Vùng Thủ đô Hà Nội là một trong những vùng chiến lược có ý nghĩa quan trọng đối với sự phát triển của đồng bằng sông Hồng, vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, có ảnh hưởng lớn đến sự phát triển của quốc gia và quốc tế.

Để việc quy hoạch xây dựng vùng Thủ đô phù hợp với Quy hoạch sử dụng tổng hợp nguồn nước của lưu vực sông Hồng - sông Thái Bình cũng như các quy hoạch chuyên ngành khác, dưới góc độ của ngành Thủy lợi xin nêu một số vấn đề về sông Hồng và Tài nguyên nước cần được quan tâm trong Quy hoạch xây dựng vùng thủ đô Hà Nội như sau:

A. Đối với vùng thủ đô Hà Nội:

Về phòng chống lũ và giảm nhẹ thiên tai,

trong quy hoạch phòng chống lũ đã xác định được tiêu chuẩn chống lũ cho thủ đô Hà Nội và 6 giải pháp công trình và phi công trình để phòng chống lũ cho đồng bằng và trung du sông Hồng, trong đó có vùng thủ đô Hà Nội như sau:

1. Củng cố hệ thống đê sông: Tập trung tu bổ đảm bảo về mặt cắt đê như tiêu chuẩn thiết kế đê. Sửa chữa hoặc làm mới các cống dưới đê đã quá hạn sử dụng, hoặc đã bị hư hỏng như lún sụt, nứt cống là hết sức cần thiết. Hệ thống đê của vùng cần được nâng cấp, tu bổ và cứng hoá mặt đê.

2. Khai thông dòng chảy để thoát lũ: Tăng khả năng thoát lũ của hệ thống lòng dẫn sông bằng các biện pháp chỉnh trị lòng sông đặc biệt là bãi sông, các cửa phân lưu và hành lang thoát lũ; có giải pháp chống bồi lắng phía thượng lưu và tìm cầu trên dòng chính; giải tỏa các khu dân cư làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến khả năng thoát lũ; cải tạo hành lang thoát lũ phía sông Tích, sông Đáy; cải tạo lòng dẫn,

thiết lập hành lang thoát lũ trên đoạn sông Hà Nội - Hưng Yên.

3. Giải pháp phân chận lũ: Phân lũ sông Hồng vào sông Đáy để giảm mực nước trên sông Hồng tại Hà Nội và các vùng hạ du.

4. Giải pháp hồ chứa ở thượng lưu: Bậc thang sông Đà có dung tích chống lũ cho hạ du 7 tỷ m³ và về lâu dài nâng cao hơn nữa. Bậc thang sông Lô có Dung tích chống lũ cho hạ du 2,0 tỷ m³. Đề nghị đưa hồ Tuyên Quang vào chống lũ trước năm 2010, tiếp theo là Sơn La vào năm 2015.

5. Trồng và bảo vệ rừng: Tiếp tục thực hiện chương trình trồng 5 triệu ha rừng để nâng độ che phủ rừng của vùng Đông Bắc và Tây Bắc lên khoảng 55,6% sau năm 2010.

6. Tổ chức quản lý và khai thác hiệu quả các giải pháp phòng chống lũ: Tổ chức mạng lưới trạm quan trắc các yếu tố khí tượng thủy văn. Tổ chức quản lý lưu vực, hệ thống lòng dẫn ở hạ lưu và các công trình phòng chống lũ theo các pháp lệnh Chính phủ ban

hành. Lập các quy chế, quy trình vận hành hồ chứa nhằm phát huy cao hiệu quả cất lũ cho hạ du. Giáo dục và tuyên truyền nâng cao nhận thức cộng đồng. Tổ chức lực lượng phòng hộ, cứu hộ, cứu nạn, cứu trợ và khắc phục hậu quả lũ lụt gây ra.

Về cấp nước: Cần phải có quy hoạch chi tiết cấp nước cho vùng Thủ đô Hà Nội để phục vụ

Đáy bằng trạm bơm.

Tiêu thoát nước khu vực Đông Anh và Bắc Gia Lâm, cần tập trung nghiên cứu giải quyết tiêu thoát bằng đồng lực ra các sông trực chính Ngũ Huyện Khê, sông Hồng, sông Cầu, sông Đuống

Đối với khu vực Nam Gia Lâm có mối liên quan chặt chẽ với hệ thống tiêu Bắc Hưng Hải



các đối tượng chủ yếu dùng nước, bao gồm nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ, sinh hoạt đô thị và nông thôn. Xem xét rà soát các công trình thủy lợi hiện có phục vụ sản xuất và sinh hoạt trong vùng để có giải pháp kỹ thuật nâng cấp tu bổ kiên cố hoá. Xác định để xây dựng mới các công trình phục vụ cấp nước tạo nguồn. Đề xuất xây dựng các công trình khai thác phục vụ cấp nước cho các khu công nghiệp, đô thị mới

Về tiêu thoát nước: Tiêu thoát nước của vùng Thủ đô Hà Nội chủ yếu thoát vào 3 hệ thống thủy lợi lớn đó là: Bắc Đuống, Bắc Hưng Hải và sông Nhuệ.

Qua phân tích diễn biến úng và mực nước trên sông Nhuệ thì thấy rằng khả năng tiêu tự chảy cho nội thành vào sông Nhuệ là rất hạn chế do đó phương án tiêu chính cho nội thành phải là công trình bơm ra sông Hồng mới có khả năng thực tế góp phần giải quyết nạn úng ngập hiện nay.

Cần phải xây dựng quy hoạch chi tiết cho việc tiêu thoát vùng Thủ đô Hà Nội với yêu cầu giải quyết cơ bản tình trạng úng ngập nước mưa trong phạm vi lưu vực sông Tô Lịch với diện tích 7.750 ha. Xây dựng hệ thống cống, mương, sông, dẫn nước tiêu tốt để khắc phục tình trạng nước thải ứ đọng gây ô nhiễm môi trường nước, cải thiện điều kiện sống nhân dân trong khu vực đô thị hoá không để xảy ra úng ngập tạo trong cả nội thành và ngoại thành.

Đề xuất phương án giải quyết tiêu thoát nước cho khu vực quận Cầu Giấy, quận Tây Hồ, Thanh Xuân (Hà Nội) và Hà Tây tiêu ra sông

cần xây dựng trạm bơm tiêu Long Biên tiêu ra sông Hồng, các trạm bơm tiêu Phú Xá, Bình Hàn, Cầu Sộp...thuộc địa phận tỉnh Hải Dương.

Về môi trường nước: Môi trường nước ở vùng thủ đô Hà Nội đã bị ô nhiễm ở mức báo động do tốc độ phát triển mạnh mẽ về kinh tế - xã hội, đô thị hoá, công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Cần có một chương trình và kế hoạch cụ thể toàn diện về bảo vệ môi trường nước, xử lý rác thải trước khi xả vào nguồn nước, xử lý rác thải. Bổ sung nguồn nước cho các hệ thống để pha loãng, giảm ô nhiễm đảm bảo nước có chất lượng để sử dụng tiếp cho các vùng lân cận Thủ đô

B. Đối với 7 tỉnh lân cận

1. Về cấp nước

- Tỉnh Hà Tây, Hà Nam là 2 tỉnh thiếu nguồn nước phục vụ cấp nước cho sản xuất, sinh hoạt và cải tạo môi trường cần sớm xây dựng cống Bến Mắm, cống Tắc Giang làm nhiệm vụ cấp nước và cải tạo môi trường.

- Hải Dương, Hưng Yên thuộc hệ thống Bắc Hưng Hải do yêu cầu phát triển kinh tế xã hội nhất là công nghiệp đô thị và yêu cầu chuyển đổi cơ cấu sản xuất... Hiện trạng các công trình thủy lợi đa phần xuống cấp cần được nâng cấp sửa chữa và nghiên cứu xây dựng thêm cống Nghi Xuyên lấy nước tạo nguồn kết hợp lấy phù sa cải tạo đồng ruộng.

- Tỉnh Bắc Ninh về công trình cơ bản đã giải quyết cấp đủ nước chủ yếu là nâng cấp, sửa chữa, bổ sung công trình nội đồng.

- Hoà Bình là tỉnh miền núi các công trình cấp

nước chủ yếu là công trình nhỏ. Để đáp ứng mục tiêu phát triển kinh tế xã hội của tỉnh đến năm 2010 cần được đầu tư nâng cấp kiên cố hoá các công trình hiện có, xây dựng tiếp một số công trình thủy lợi như hồ sông Lãng, hồ Trọng, hồ Càn Thượng. Tuy nhiên cần có quy hoạch thủy lợi chi tiết để phục vụ chuyển đổi cơ cấu cây trồng và cấp nước.

- Tỉnh Vĩnh Phúc: Các công trình cấp nước đã xây dựng đáp ứng được yêu cầu tưới cho nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản và chăn nuôi nhưng cần được tu bổ thường xuyên công trình đầu mối và dần từng bước thực hiện cứng hoá kênh mương. Khu vực miền núi còn thiếu nhiều công trình cấp nước, như ở khu vực ven núi Tam Đảo, Lập Thạch. Khu vực này trước mắt cần được đầu tư một số công trình trọng điểm nhằm chuyển đổi cơ cấu kinh tế như: Nâng cấp hồ Xạ Hương để đảm bảo tưới và cấp nước cho nuôi trồng thủy sản. Xây dựng hồ Thanh Lan, hồ Bản Long để mở rộng diện tích nông nghiệp.

2. Về tiêu thoát nước

a. Tỉnh Hà Tây

Do mức độ đô thị khu vực giáp ranh Hà Nội - Hà Tây phát triển nhanh nên nếu tiêu tự chảy sẽ gây quá tải cho hệ thống sông Nhuệ. Vì vậy, cần phải xây dựng trạm bơm mới quy mô lớn tiêu ra sông ngoài như trạm bơm tiêu Yên Nghĩa tiêu ra sông Đáy cho phần diện tích Hà Nội mở rộng và khu vực Đan Phượng, Hoài Đức thuộc Hà Tây.

Cần nâng cấp sửa chữa các trạm bơm đã có và xây dựng mới một số trạm bơm như: Trạm bơm tiêu Ngoại Đệ 2 tiêu ra sông Đáy và trạm bơm tiêu Hạ Dục tiêu ra sông Tích.

Cần cải tạo, mở rộng và nâng cấp các hệ thống tiêu đã có: Nạo vét trực tiêu sông Nhuệ. Nâng cao mức bảo đảm các trạm bơm tiêu ứng như: Khe Tang, Vĩnh Mộ, Quán Mới, Thông Đạt, Xém, Bộ Đầu. Từng bước thay thế những trạm bơm tiêu cũ lạc hậu, trước mắt là những

máy bơm trục ngang loại 1000, 2500, 4000m³/h.

b. Tỉnh Hoà Bình

Hoà Bình là tỉnh miền núi nên các công trình tiêu úng không lớn, chủ yếu là tiêu tự chảy, song có đặc điểm riêng là phụ thuộc vào việc xả lũ của đập thủy điện Hoà Bình. Vì vậy cần nâng cao tuyến đê Đà Giang, Quỳnh Lâm, Ngòi Dong để bảo vệ thị xã, kết hợp nâng cấp trạm bơm tiêu Quỳnh Lâm.

Dự kiến tiêu lũ, chống úng cho 2400 ha (trong đó chuyển đổi khoảng 600ha sang một vụ lúa, một vụ cá). Diện tích úng này nằm rải rác ở các huyện, tập trung chủ yếu ở 3 xã Cao Thắng, Thanh Lương, Thanh Nông của huyện Kim Bôi thuộc lưu vực sông Đáy, cần nâng cấp trạm bơm tiêu Thanh Lương.

c. Tỉnh Bắc Ninh

Khu vực Bắc Đuống: Cải tạo nạo vét kênh tiêu đường 16, xây dựng mới trạm bơm tiêu Vạn An để tiêu chủ động cho 3.757ha, hướng tiêu ra sông Cầu, quy mô 9 máy 8000m³/h. Cần xây dựng mới trạm bơm Hán Quảng tiêu cho 2100ha, hướng tiêu ra sông Đuống và xây dựng mới trạm bơm Kim Đồi 2 tiêu ra sông Cầu. Cải tạo, nâng cấp các trạm bơm tiêu đã có như Vọng Nguyệt, Xuân Viên, Thái Hoà, bơm với Đặng Xá.

Khu vực Nam Đuống: Đây là khu vực tiêu thuộc hệ thống Bắc Hưng Hải, các công trình tiêu cơ bản đã được giải quyết, tồn tại chính là

hệ thống kênh trục tiêu. Do đó khu vực này cần nạo vét hệ thống kênh trục tiêu và nâng cấp trạm bơm tiêu Kênh Vàng.

d. Tỉnh Vĩnh Phúc

Tỉnh Vĩnh Phúc là một tỉnh mà vấn đề tiêu úng còn tồn tại khá lớn. Song cũng là một tỉnh có định hướng chuyển đổi cơ cấu sản xuất trong những năm tới do vậy giải pháp tiêu úng ở đây là: Đối với vùng trũng ven sông Lô đề nghị chuyển 500 ha sang nuôi cá hoặc nuôi vịt; vùng trũng ven sông Phan, sông Cà Lồ chuyển đổi diện tích khoảng 5000 ha thành một vụ lúa chiêm và một vụ cá.

Mở rộng kênh tiêu Bến Tre để tiêu nước vùng thượng nguồn về Đầm Vạc ra sông Cà Lồ không gây úng cho khu vực sông Phan. Các vùng khác đã đủ công trình tiêu nhưng cần được tu bổ công trình đầu mối.

e. Tỉnh Hải Dương

Hiện nay do mực nước chân triều tại 2 cửa tiêu chính Cầu Xe, An Thổ tăng lên 40cm so với thiết kế cũ (giai đoạn 1973-1975) nên các công trình theo thiết kế cũ đến nay không đảm bảo yêu cầu tiêu úng. Mặt khác, các công trình tiêu đã có xuống cấp nên hướng giải quyết tiêu là: Cải tạo, nạo vét kênh trục tiêu Bắc Hưng Hải. Nâng cấp và mở rộng các trạm bơm tiêu đầu mối Đồ Hàn, Bình Hàn, Hiệp Lễ, Cầu Sộp và Phí Xá.

f. Tỉnh Hưng Yên

Các trạm bơm tiêu đã có gồm 123 trạm, tiêu cho 52.555ha song chỉ tiêu chắc được

74%, nguyên nhân do công trình tiêu đã có xuống cấp, mực nước tại các cửa tiêu tăng lên so với trước đây. Do vậy hướng giải quyết tiêu ở đây là:

- Xây dựng mới 9 trạm bơm tiêu, nâng cấp 10 trạm bơm tiêu đã có.

- Cần chuyển đổi 4.071ha vùng trũng với cơ cấu lúa-cà hoặc chuyển sang nuôi trồng thủy sản.

g. Tỉnh Hà Nam

Vấn đề tiêu úng của Hà Nam còn tồn tại là chưa đủ công trình đầu mối để tiêu úng. Mặt khác các công trình hiện có đã bị xuống cấp. Do vậy, giải pháp tiêu cho Hà Nam là: Tu bổ, nâng cấp các công trình tiêu thuộc vùng 6 trạm bơm lớn Nam Hà, tập trung cải tạo, nâng cấp các trạm bơm tiêu lớn đầu mối như Cổ Đàm (10.646ha), Hữu Bị (11.250ha), Như Trác (3.950 ha) và xây mới các trạm bơm Kinh Thanh 2 (6127 ha) và Lạc Tràng 2 (2500ha).

Trên đây chỉ là những nét phác họa chủ yếu một số vấn đề về nước đối với quy hoạch xây dựng vùng thủ đô Hà Nội. Để có thủ đô xanh, sạch, đẹp việc phát triển và bảo vệ nguồn nước theo quy hoạch và kế hoạch phù hợp với sự phát triển của các ngành kinh tế - xã hội trong quy hoạch xây dựng vùng thủ đô Hà Nội là không thể tách rời. ■

Khái niệm về QUẢN LÝ TỔNG HỢP TÀI NGUYÊN NƯỚC

TS. Tô Trung Nghĩa

Viện trưởng Viện Quy hoạch Thủy lợi



Khái niệm quản lý tổng hợp Tài nguyên nước đã được biết đến từ lâu, tuy nhiên cùng với thời gian, nội dung của nó ngày càng được bổ sung và hoàn thiện.

Ngay từ trước những năm 90, sự suy giảm tính bền vững trong khai thác nguồn nước đã khiến nhiều nhà quản lý đặt mối quan tâm nhiều vào giải pháp tổng hợp với mục tiêu đạt được sự phát triển bền vững.

Tuy nhiên trong thời kỳ đầu tiên người ta thường có tham vọng giải quyết vấn đề một cách toàn diện, có nghĩa là tất cả các hợp phần trong quản lý tài nguyên nước đều được đưa vào và giải quyết đồng thời. Cách hiểu này đòi hỏi rất nhiều thời gian, công sức và tiền bạc trong quá trình điều tra, phân tích toàn bộ hệ sinh thái. Thực tiễn cho thấy rằng sản phẩm quy hoạch sau khi làm ra ít có tác dụng thực tế

vì thời gian trôi qua, nhiều công trình mới đã được xây dựng, nhiều yếu tố mới phát sinh, và quy hoạch lại trở nên lạc hậu ngay từ lúc mới ra đời.

Hiện nay, cách hiểu tổng hợp giữ lại ý tưởng chung về toàn diện, nhưng tập trung vào những vấn đề cốt lõi và thực tiễn hơn. Giải pháp tổng hợp không tìm ra cách giải quyết tất cả các hợp phần và mối liên kết mà chỉ giải quyết những cái được coi là chính yếu. Qua nhiều bước và cùng với thời gian, giải pháp tổng hợp sẽ được mở rộng ra và trở thành giải pháp toàn diện. Cơ sở của giải pháp tổng hợp là 4 điểm sau đây:

Thứ nhất, nó chấp nhận rằng chúng ta không hiểu được tất cả mọi biến động trong một hệ thống. Nếu chúng ta hiểu kỹ được 75-80% quy luật biến động của hệ thống thì đã tuyệt vời rồi.

Thứ hai, các biến động chính của hệ thống thường do các yếu tố chủ chốt gây ra. Các yếu tố còn lại ảnh hưởng không lớn, và nếu chúng ta đi vào nghiên cứu nó thì sẽ hao tốn nhiều công sức không tương xứng với hiệu ích đem lại.

Thứ ba, tính đến trường hợp chúng ta bỏ công nghiên cứu tất cả các yếu tố, thì khả năng chi phối được tất cả các yếu tố đó cũng không dễ dàng do đó hiệu quả nghiên cứu sẽ không cao.

Thứ tư, giải pháp tổng hợp cho phép các chiến lược có thể thực hiện trong thời gian

hợp lý hơn.

Cần phải nói rằng cho tới nay, mặc dù quan niệm về quản lý tổng hợp lưu vực sông được trình bày trong khá nhiều báo cáo và tài liệu quy hoạch nhưng trên thực tiễn hiếm khi thực hành được giải pháp này. Lý do chính là do sự phân tán về quản lý đối với tài nguyên nước về ranh giới hành chính cũng như theo các Bộ, ngành chuyên môn mà sự phối hợp đa ngành liên lĩnh thổ hiện nay rất khó thực hiện.

Theo tài liệu của GWP, quản lý tổng hợp tài nguyên nước được định nghĩa: "Là một quá trình đầy mạnh, phối hợp phát triển và quản lý nguồn nước, đất đai và tài nguyên liên quan, để tối đa hoá lợi ích kinh tế và phúc lợi xã hội một cách công bằng mà không phương hại đến tính bền vững của các hệ sinh thái thiết yếu".

Quản lý tổng hợp ngày nay quan tâm đặc biệt đến tác động qua lại giữa con người và thiên nhiên, do đó tổng hợp được xem xét theo cả hai hệ: Hệ tự nhiên và hệ con người.

Tổng hợp về mặt tự nhiên bao gồm các khía cạnh sau:

- Tổng hợp quản lý nước ngọt và và quản lý vùng ven biển.
- Tổng hợp quản lý "nước xanh lá cây" và "nước xanh da trời".
- Tổng hợp nước mặt và nước dưới đất.
- Tổng hợp số lượng và chất lượng trong quản lý tài nguyên nước.
- Tổng hợp những lợi ích liên quan đến

nước ở thượng lưu và hạ lưu.

Tổng hợp về mặt con người bao gồm những khía cạnh sau:

- Khi phân tích tài nguyên nước phải kết hợp phân tích các hoạt động của con người và cơ cấu dịch vụ.

- Tổng hợp liên ngành trong quá trình lập chính sách quốc gia.

- Tổng hợp tất cả các bên liên quan trong quá trình quy hoạch và quyết định.

- Tổng hợp quản lý nước và nước thải.

Nếu làm tốt các mặt tổng hợp trên trong quan hệ hài hoà giữa ba thành tố kinh tế - xã hội - môi trường, chúng ta sẽ đạt được sự quản lý tài nguyên nước bền vững.

Quản lý tổng hợp lưu vực sông lấy lưu vực sông làm cơ sở và xem lưu vực sông là một hệ thống thống nhất mà trong đó có tác động qua lại giữa nước, đất đai và môi trường. Phương pháp này cũng nhằm quản lý lưu vực sông như là một thực thể với những mục đích bảo vệ toàn bộ năng suất của các nguồn tài nguyên một cách lâu bền, đồng thời bảo vệ và cải thiện chất lượng môi trường tại lưu vực sông. Ở Úc

thuật ngữ "quản lý tổng hợp lưu vực sông" đồng nghĩa với "quản lý toàn bộ lưu vực sông".

Quản lý tổng hợp lưu vực sông là một phần của việc quản lý các nguồn tài nguyên thiên nhiên. Mặc dù quản lý lưu vực sông thuộc lĩnh vực quản lý nguồn nước, nhưng công tác quản lý lưu vực sông không phải chỉ liên quan đến việc bảo vệ chất lượng và khối lượng nước trong lưu vực sông. Trái lại công tác quản lý lưu vực sông còn liên quan tới mọi khía cạnh của việc quản lý đất đai trong lưu vực cũng như trong quản lý toàn thể các hoạt động khác như: quản lý thành thị, quản lý công nghiệp hay quản lý xã hội mà còn có thể ảnh hưởng đến việc quản lý lưu vực sông và làm giảm khả năng đạt được những mục tiêu quản lý đường phân thủy đã được đề ra.

Một quan chức người Canada, giáo sư Bruce Mitchell, trong công tác quản lý tổng hợp lưu vực sông đã mô tả khái niệm theo cách mà ông gọi là "ba chữ P": triết lý, quá trình và sản phẩm. (philosophy, process and product).

Vì là một triết lý nên việc quản lý tổng hợp lưu vực sông là một lối suy nghĩ đặc biệt về

những vấn đề quản lý nguồn tài nguyên. Lối suy nghĩ này cũng mô tả lưu vực sông như là một hệ thống và có liên quan đến việc quản lý hệ thống này trên cơ sở tổng thể.

Như một triết lý, quản lý tổng hợp lưu vực sông phải được xem là một quá trình. Quá trình này phải linh động và 유연 chuyển nhằm giải quyết những hoàn cảnh và điều kiện thay đổi. Quá trình này cũng bao gồm việc tích lũy thêm kiến thức khi công tác quản lý được tiến triển và tích lũy ngày càng nhiều thông tin liên quan đến các quá trình quản lý.

Sau cùng nếu việc quản lý tổng hợp lưu vực sông có giá trị thiết thực thì nó phải là một sản phẩm. Điều này có nghĩa là việc quản lý tổng hợp lưu vực sông phải mang lại kết quả và những thành quả này được thể hiện qua việc chuẩn bị và thực hiện một kế hoạch hành động. Cũng cần thiết phải nhấn mạnh rằng kế hoạch quản lý này tự nó không phải là mục tiêu mà là phương tiện để đạt tới mục tiêu. Nó phải mang lại hiệu quả thông qua những hoạt động thực tiễn trong lưu vực sông nhằm đạt được những mục tiêu của công việc quản lý. ■

/// Các thông tin về hoạt động của mạng lưới các tổ chức lưu vực sông châu Á (NARBO)

(Tóm lược từ trang Web của NARBO)

1. Khái niệm trang Web và cơ sở dữ liệu của NARBO.

Ban Thư ký của Tổ chức nước Nhật Bản JWA đã làm việc nghiêm túc để phát triển Website của NARBO dựa trên kết quả thu được tại Hội thảo ngày 7/8 và ngày 8/8 tại Bangkok, Thái Lan.

Ban Thư ký hoan nghênh bất cứ ý kiến đóng góp nào để làm hoàn thiện hơn website và cũng mong nhận được các thông tin từ các thành viên của NARBO để làm phong phú hơn nội dung trang Web.

2. Quản lý Tài nguyên nước tại lưu vực sông Mahaweli, Sri Lanka:

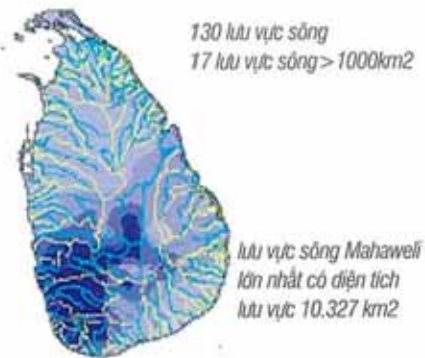
Sri Lanka là một hòn đảo nằm trong vùng nhiệt đới Ấn Độ Dương với tổng diện tích tự nhiên 65.525 km², có 103 sông suối với tổng diện tích lưu vực là 59.217 km², trong đó Mahaweli là con sông lớn nhất có diện tích lưu vực 10.327 km². Phần lớn nguồn nước trong lưu vực được sử dụng cho tưới nông nghiệp và phát điện.

Sri Lanka là một nước có lịch sử lâu dài về thủy lợi. Ngay từ thế kỷ thứ 5 trước Công nguyên những nhà sáng lập đã phát triển mạng hệ thống tưới trên các sông chính và các hồ chứa nước trên thượng nguồn.

Vào những năm đầu thế kỷ 20, một chương trình bổ sung các công trình tưới cho vùng khô hạn được phát động nhằm phát triển nông nghiệp, đảm bảo an toàn lương thực, có việc làm và phát triển kinh tế - xã hội cho người dân trong vùng. Trách nhiệm quản lý tài nguyên nước được phân chia giao phó cho các tổ chức Chính phủ khác nhau như Cục Tưới, Bộ Điện, Bộ Tài nguyên nước.... Các cơ quan này có nhiệm vụ phát triển ngành đó theo chức năng tương ứng tưới nông nghiệp, phát điện,

cung cấp nước sinh hoạt... và không có mối liên hệ trong quản lý Tài nguyên nước.

Nhận biết được hạn chế trong quá trình phát triển các ngành đơn lẻ, Chính phủ Sri Lanka đã đưa ra Chương trình phát triển đa mục đích, Năm 1969 theo yêu cầu của Chính phủ, Chương trình thúc đẩy phát triển Mahaweli (Accelerated Mahaweli Development Program - AMDP) được đưa ra. Thành phần chính của chương trình gồm: cung cấp nước tưới cho



vùng nông nghiệp khô hạn, phát triển thủy điện, xây dựng cơ sở hạ tầng cho vùng tái định cư, cung cấp thị trường cho sản phẩm nông nghiệp và các khu thể thao văn hoá.

Dự án đã được thực hiện với sự tài trợ của ngân hàng thế giới WB, Ủy ban châu Âu, chính phủ Nhật Bản và nhiều nhà tài trợ khác với tổng vốn đầu tư khoảng 90 tỷ SLR (năm 2000) cho các công trình thủy lợi, đường giao thông, trường học và nhà cửa. Kết thúc Chương trình AMDP, sản lượng điện của toàn quốc tăng 137% nhờ có 5 hồ chứa điều tiết lợi dụng tổng hợp phục vụ tưới và phát điện. Diện tích đất trồng lúa của vùng Mahaweli tăng 16% so với diện tích trồng lúa của cả nước.

Những lợi ích trực tiếp của AMDP là:

- Giảm đáng kể lượng di cư từ nông thôn ra thành thị.
- Tạo việc làm cho 250.000 lao động nông nghiệp.
- Tạo việc làm cho 350.000 lao động gián tiếp trong các ngành dịch vụ.
- Mức sống của cộng đồng người nghèo được cải thiện đáng kể.
- Đảm bảo sức khoẻ cho người dân trong vùng khô hạn.

Tuy nhiên cũng có một số ảnh hưởng tiêu cực của AMDP

- Giảm đáng kể độ che phủ rừng 10%
 - Ảnh hưởng đến nơi cư trú của loài voi.
 - Làm ngập một vùng đất có giá trị.
- Sau khi các nhà chức trách của Mahaweli thực hiện dự án trong vòng hơn hai thập kỷ, Chính phủ Sri Lanka đã quyết định chuyển đổi vai trò từ thực hiện sang quản lý. Vì vậy chính quyền Mahaweli, Sri Lanka, đã đưa quản lý lưu vực sông theo hướng:
- Phân phối Tài nguyên nước giữa các ngành và các hộ sử dụng nước.
 - Quản lý các công trình thủy lợi đa mục tiêu.
 - Quản lý vùng ven sông, chất lượng nước và lưu vực sông.
 - Xác định lượng nước có sẵn để đáp ứng các nhu cầu nước.
 - Xem xét tác động đến môi trường.
 - Phát triển thể chế cộng tác giữa các cơ quan nhà nước và cá nhân, xây dựng các khu vui chơi giải trí và giáo dục.
- Sau một thời gian dài, các nhà chức trách Mahaweli, Sri Lanka đã thấy được tầm quan trọng và sự cần thiết của Ban Quản lý lưu vực sông, đó thực sự là đơn vị thực hiện quản lý Tài nguyên nước tổng hợp (IWRM). ■

Trang Web

Cơ sở dữ liệu

Trang chủ

1 NARBO là gì

2 Trang Web

3 Giới thiệu thành viên

4 Tin và hoạt động

5 Cơ hội (Sơ lược)

6 FAQ

7 Bảng tin

8 Kêu gọi cộng tác

9 Dành cho các thành viên

a. Địa chỉ liên hệ

b. Nghiên cứu khu vực

c. Các đường dẫn

d. Bản đồ khu vực

e. Counter

- (1) Thông tin cơ bản
- (2) Tuyên bố của tổ chức
- (3) Kế hoạch hành động (dự thảo)
- (4) Danh sách thành viên
- (5) Gia nhập

Giới thiệu trang web

Sơ bộ về:

- (1) Thông tin cơ bản
- (2) Cơ cấu tổ chức
- (3) Chi tiết liên hệ
- (4) Nhiệm vụ
- (5) Số liệu thống kê
- (6) Bản đồ
- (7) Các dự án và chương trình
- (8) Nghiên cứu điển hình
- (9) Báo cáo thường niên

- (1) Nội dung sắp tới
- (2) Tin mới nhận
- (3) Nội dung đã thực hiện
- (4) Bản tin

Cơ hội:

- (1) Nghiên cứu điển hình và phân tích
- (2) Trao đổi cán bộ
- (3) Nền tảng cơ sở
- (4) Chương trình kép
- (5) Đào tạo, hội thảo và ĐT điện tử
- (6) Tài liệu tham khảo và các nguồn khác
- (7) Cố vấn
- (8) Công cụ và kỹ thuật
- (9) Thảo luận

FAQ

Bảng tin

Kêu gọi cộng tác

ID và mật khẩu

- 1. Thông tin về tài nguyên nước quốc gia
 - 1.1 Tổ chức
 - 1.2 Hệ thống pháp lý
 - 1.3 Mối quan hệ giữa các Ban QLLVS

- 2. Thông tin chi tiết về các thành viên
 - 2.1 Tổ chức
 - a. Đại diện
 - b. Ban điều hành
 - c. Sơ đồ tổ chức
 - 2.2 Lưu vực và bản đồ vị trí
 - a. Công cụ
 - b. Số liệu
 - 2.3 Hệ thống pháp lý
 - 2.4 Các quy trình dự án
 - 2.5 Hệ thống chia sẻ chi phí
 - 2.6 Hoạt động
 - 2.7 Nghiên cứu điển hình
 - 2.8 Báo cáo thường niên
 - 2.8.1 Sơ bộ
 - 2.8.2 Chi tiết

- 3. Cơ hội (chi tiết)
 - (1) Nghiên cứu điển hình và phân tích
 - (2) Trao đổi cán bộ
 - (3) Nền tảng cơ sở
 - (4) Chương trình kép
 - (5) Đào tạo, hội thảo và đào tạo điện tử
 - (6) Tài liệu tham khảo và các nguồn khác nhau
 - (7) Cố vấn
 - (8) Công cụ và kỹ thuật
 - (9) Thảo luận

- 4. Thảo luận về QLNNTH
 - 4.1 Tóm tắt
 - 4.2 Chi tiết

Khái niệm trang web

dựa trên các kết quả thu được tại hội thảo

Văn phòng BQLQLHV: Chánh Văn phòng: Viện trưởng Viện QHTL, Ts. Tô Trung Nghĩa
Trụ sở: tại Viện Quy hoạch Thủy lợi - 162 A Trần Quang Khải, Hà Nội.
ĐT: (84-4) 8. 256 470 /8.267 020 * Fax: (84-4) 8.252 807 * E-mail: iwrp.hanoi@hn.vnn.vn